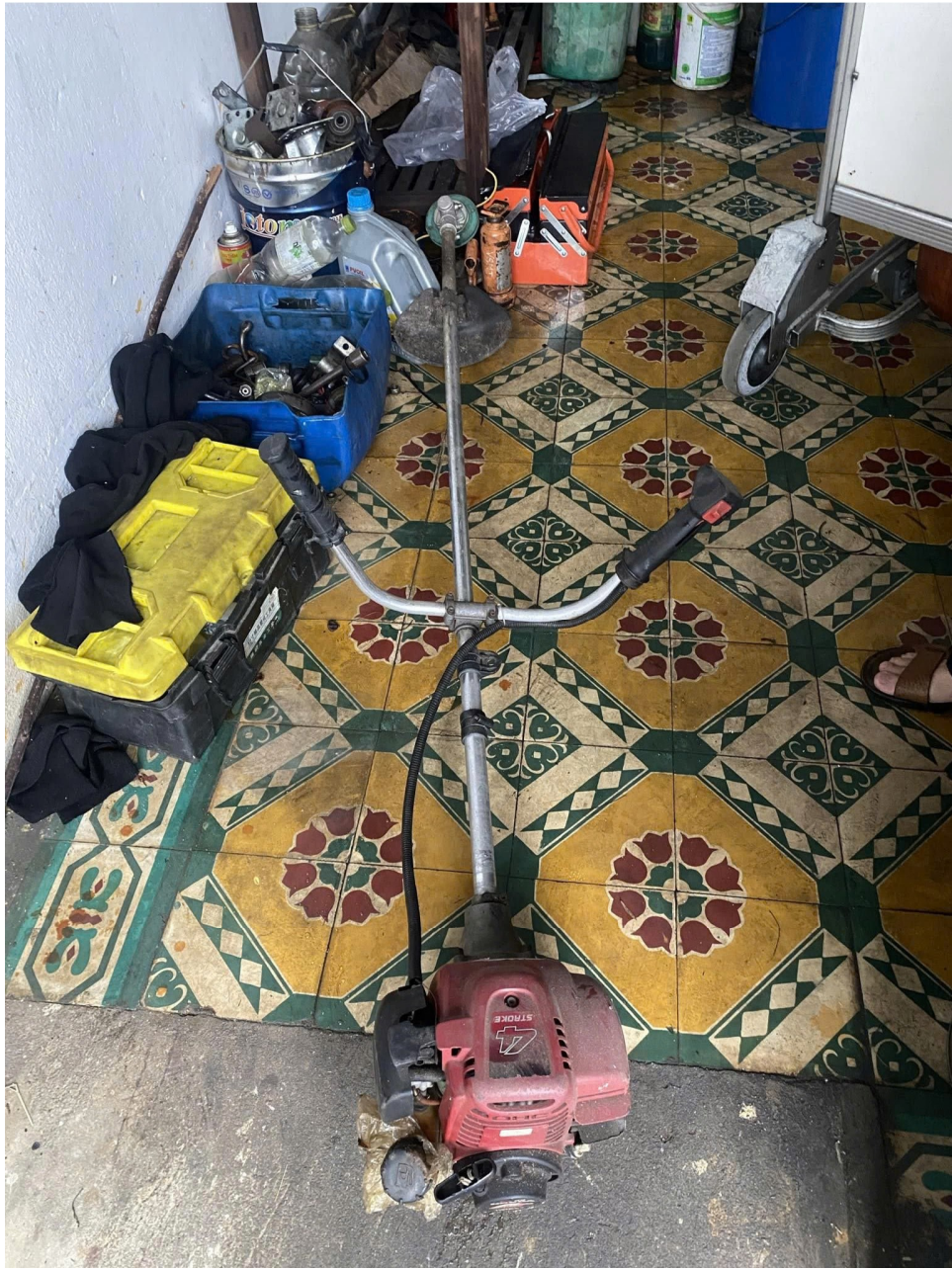


































STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KÍCH THƯỚC (m)			Trọng lượng thép (kg)
		DÀI	RỘNG	CAO	
1	Container				
	Mặt đứng trước sau	12.2		3	919.39
	Mặt đứng bên		9.8	3	738.53
	Mặt trên	12.2	9.8		1501.67
	Mặt dưới	12.2	9.8		1501.67
2	Mái tôn lợp	16	12.2		536.31
3	Xà gỗ 4x8	12.2	0.04	0.08	293.82
4	Xà gỗ 5x10	6.2	0.05	0.1	57.63
5	Trụ 3m phi76			3	11.17
	Tổng				5560.20





INDOOR UNIT

Model	RF60-B2
Cooling capacity	60,000Btu/h
Heating capacity	_____
Power supply	220V-1Ph-50Hz
Cooling power input	6.3kW
Heating power input	_____
Cooling RLA	11.0A
Heating RLA	_____
Refrigerant	R22/4400g
Weight	65kg
Max. operating pressure	2.6Mpa



075 1111 0289

2011
2012
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

MS. 197642

080030056